

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khánh Thành

2. Ông Nguyễn Thế Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hỷ H**, sinh năm 1966; CCCD số: 070166004760 cấp ngày 07/02/2022

Địa chỉ: khu H, ấp TY, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm 1964

Địa chỉ: khu H, ấp TY, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(bà H, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hỷ H và ông Nguyễn Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương. Bà H và ông Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 02/10/1998, đây là hôn nhân lần đầu của hai vợ chồng. Đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của bà H.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, quan điểm sống khác nhau trong công việc, trong cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn

nhau. Ông Đ thường xuyên câu gắt chửi bới vợ con, ông Đ dùng những lời lẽ không hay đối với bà H và các con, cách đây khoảng 01 năm thì trong lúc cãi nhau ông Đ đã đánh bà H và đẩy bà H xuống hồ nước. Từ đó đến nay mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng giữa bà H và ông Đ đã không quan tâm đến nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng và không có biện pháp gì để hòa giải, hàn gắn.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đ.

Về con chung: Theo bà H vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn T, sinh năm 1997 và Nguyễn T2, sinh năm 1989.

Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà H trình bày là không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Đ đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Đ vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, nhưng ông Nguyễn Đ vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: Các cháu Nguyễn T, sinh năm 1997 và Nguyễn T2, sinh năm 1989 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:
Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn”; bị đơn đang cư trú tại khu H, ấp TY, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà Hỷ H gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Đ biết phải có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/7/2023, đề tham gia phiên tòa, ông Đ vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 thông báo cho ông Đ phải có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 18/8/2023 đề tham gia phiên tòa, ông Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hỷ H và ông Nguyễn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 02/10/1998 nên áp dụng Điều 5; Điều 6, Điều 8 luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo bà H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mặc dù sống chung một nhà nhưng hiện cả hai đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Đ đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt, cho thấy ông Đ không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ mà chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng bà H, ông Đ hiện đang sống tại khu H, ấp TY, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà H cương quyết ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hỷ H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung bà H và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn T, sinh năm 1997 và Nguyễn T2, sinh năm 1989 hiện đã

trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản*: Theo bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Theo bà H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6, Điều 8 luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hỷ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Hỷ H và ông Nguyễn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hỷ H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009197 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

